

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 507/2022/HS-ST
Ngày: 17-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam – Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Hồng Phương – Phó Chủ

tịch Hội nông dân thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 414/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2022/QĐXXST-HS ngày 04/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1014/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Đỗ Thị Kim N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1987, tại Bến Tre; Nơi cư trú: không xác định; Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Đỗ Văn Lớn, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Phùng Thị Nghĩa, sinh năm 1956; Bị cáo là con út trong gia đình có 03 (ba) anh em; Bị cáo chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam vào ngày 27/5/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

2/ Họ và tên: Nguyễn Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1996, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ 9, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký HKTT: 7/3, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 00/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Màng, sinh năm: không rõ; Họ và tên mẹ: Đào Thị Huệ, sinh năm 1959; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 (hai) anh em; Bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1988, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: 01 (Ngày 22/11/2021, Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 04 (bốn) năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”

theo bản án số 471/2021/HSST, chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 14/7/2022 bị cáo đi chấp hành án tại trạm giam Xuân Lộc theo quyết định T hành án phạt tù số 752/2021/QĐ-CA ngày 24/12/2021 tại Bản án số 471/2021/HSST ngày 22/11/2021. Bị cáo có mặt.

* **Bị hai:** Bà Nguyễn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 185, đường N4, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Đỗ Thị Kim N rủ Nguyễn Thị T (là bạn ở chung phòng trọ) đi tìm người nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 28/01/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 54Z3-0109 chở N đi đến khu vực thuộc phường B, thành phố Biên, Hòa khi đi ngang qua nhà số 185, đường N4 thuộc khu phố 1, phường B, thành phố B do bà Nguyễn T, sinh năm: 1967 làm chủ thì T và N phát hiện trước nhà có nhiều chậu cây cảnh nên T dừng xe lại rồi cả hai quan sát thấy không có người trông giữ những chậu cây cảnh trên nên cả hai đã vào lấy trộm một chậu cây mai vàng rồi đem ra bỏ lên yên xe để N điều khiển xe chở T ngồi phía sau ôm chậu cây mai đem về phòng trọ tại tổ 9, khu phố T, phường H, thành phố B cất giấu. Sau đó, cả 02 tiếp tục quay lại nhà bà T lấy trộm thêm 01 (một) chậu cây mai vàng và đem về phòng trọ cất giấu. Đến sáng cùng ngày bà T phát hiện bị mất 02 (hai) chậu cây mai vàng nên đã đến Công an phường B, trình báo sự việc.

Khoảng 08h cùng ngày, Công an phường H kiểm tra hành chính phòng trọ của N và T, phát hiện 02 (hai) chậu cây mai vàng do N và T trộm cắp tại nhà bà Hồng đang cất giấu tại đây. Qua làm việc, cả Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Công an phường H đã lập hồ sơ chuyển Công an phường B. Sau đó, Công an phường B đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB ghi lại cảnh Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim N trộm cắp 02 chậu cây mai vàng vào ngày 28/01/2022 tại nhà số 185, đường N4, khu phố 1, phường B, thành phố B. (lưu hồ sơ vụ án).

- 02 (hai) chậu cây mai vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn T.

- 01 (một) xe mô tô biển số 54Z3-0109 của Nguyễn Thị T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra, T khai nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là T mua của một người đàn ông vào năm 2017 khi mua có giấy tờ. Qua kiểm tra nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại Công an thành phố B thì xác định chủ xe là chị Vũ Thị T, trú tại: 320/82, B, phường 10, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được với

chị T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô trên để xác minh làm rõ xử lý sau.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐDGTS ngày 17/2/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “02 (hai) chậu cây mai vàng có tổng giá trị định giá là 3.300.000 (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận định giá tài sản nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và không có ý kiến về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 426/CT-VKSBH ngày 07/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim N mức án từ 10 (Mười) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù giam.

Đối với anh Nguyễn Thanh L là người chung sống như vợ chồng với bị cáo T trong cùng một phòng trọ, khi bị cáo N rủ bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và khi các bị cáo mang 02 (hai) chậu cây mai vàng về phòng trọ, anh L đang ngủ nên không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh L.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T đã khai nhận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/01/2022, tại nhà số 185, đường N4, khu phố 1, phường B, thành phố B, Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T đã có hành vi trộm cắp 02 (hai) chậu cây mai vàng có tổng giá trị định giá là 3.300.000 (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) của bà Nguyễn T thì bị phát hiện điều tra xử lý.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại; người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 426/CT-VKSBH ngày 07/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T nên bị cáo giữ vai trò chủ mưu. Bị cáo T có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 04 (bốn) năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 471/2021/HSST ngày 22/11/2021, chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục tích cực cùng bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, do đó, hai bị cáo phải chịu mức hình phạt bằng nhau.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng:

+ Bị cáo Nguyễn Thị T phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

+ Bị cáo Đỗ Thị Kim N: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo Nguyễn Thị T: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (là tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

+ Bị cáo Đỗ Thị Kim N: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (là tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 (hai) chậu cây mai vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn T là phù hợp;

- 01 (một) xe mô tô biển số 54Z3 - 0109 của Nguyễn Thị T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra, T khai nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là T mua của một người đàn ông vào năm 2017 khi mua có giấy tờ. Qua kiểm tra nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại Công an thành phố B thì xác định chủ xe là chị Vũ Thị T, trú tại: 320/82, B, phường 10, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được với chị T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô trên để xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Thanh L là người chung sống như vợ chồng với bị cáo T trong cùng một phòng trọ, khi bị cáo N rủ bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và khi các bị cáo mang 02 (hai) chậu cây mai vàng về phòng trọ, anh L đang ngủ nên không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh L là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Thị Kim N và Nguyễn Thị T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Kim N** mức án: **10 (Mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** mức án **10 (Mười) tháng tù**. Tổng hợp chung với hình phạt 04 (Bốn) năm tù theo Bản án số 471/2021/HS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **04 (Bốn) năm 10 (Mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2022, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 21/3/2021 đến ngày 28/3/2021.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- T hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương